TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ VŨNG TÀU** **TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:12/2023/KDTM-ST
Ngày 10-08-2023
V/v: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU, TỈNH BÀ RỊA- VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Bà Lê Thị Lương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hải
2. Ông Đặng Song Hoàn

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Lan Hương - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Vũng tàu, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu Tàu xét xử công khai vụ án kinh doanh thương mại sơ thẩm thụ lý số: 09/2023/TLST-KDTM ngày 01 tháng 3 năm 2023 về việc "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2023/QĐXXST-KDTM ngày 22 tháng 9 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2020/QĐST-KDTM ngày 20 tháng 07 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Y (NCB);

Địa chỉ trụ sở chính: 28C-28D phố B, phường N, Quận B, thành phố H;

Người đại diện theo pháp luật: Bà Bùi Thị Thanh Hương – Chủ tịch Hội đồng quản trị;

Người được ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Nguyễn M – Phó phòng – Phòng Tố tụng xử lý nợ - Trung tâm xử lý nợ - Khối pháp chế tuân thủ & Xử lý nợ - Ngân hàng Y. Theo giấy ủy quyền số 101/2022/UQ-CTHĐQT ngày 03/10/2022. Ông Nguyễn M ủy quyền lại cho bà Phạm Thị Thanh Q – Chuyên viên chính. Theo giấy ủy quyền số 254/2022/UQ-NCB ngày 10/11/2022. Có mặt.

Địa chỉ liên lạc: Số 175 Khánh Z, phường F, quận A, thành phố L.

2. Bị đơn: Công ty S

Địa chỉ trụ sở: Tổ 17, ấp C, xã R, thành phố U, tỉnh X;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Hoàng J, chức vụ – Giám đốc. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 10-11-2022 và quá trình giải quyết vụ án đại diện nguyên đơn trình bày:

Ngân hàng Y (gọi tắt là NCB) và Công ty S (gọi tắt là Công ty S) đã ký kết hợp đồng cho vay như sau:

Hợp đồng cho vay số: 145/18/HĐCV – 9232 ngày 04-5-2018. Hạn mức được cấp: 480.000.000 đồng. Thời hạn vay duy trì hạn mức : 60 tháng. Mục đích vay: Mua một xe ô tô tải nhãn hiệu THACO.

Lãi suất vay: Theo Khế ước nhận nợ số: 001/KUNN/145/18/HĐCV – 9232 ngày 04-5-2018, lãi suất 10%/năm trong 12 tháng đầu, sau đó thay đổi theo quy định tại khoản 7 của khế ước nhận nợ.

Để đảm bảo cho khoản vay trên của Công ty tại Ngân hàng, Công ty đã thế chấp tài sản là xe ô tô nhãn hiệu THACO, loại xe ô tô tải, số khung 99AKHC062782, số máy D4DBHJ654154, biển số xe 72C-121.34. Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số: 032325 do Phòng cảnh sát giao thông công an tỉnh X cấp ngày 03/5/2018 cho Công ty S theo Hợp đồng thế chấp ô tô, phương tiện vận tải khác hình thành từ vốn vay số 145/18/HĐTC- 9232 ngày 04/5/2018 được đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 4/5/2018 tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Đà Nẵng.

Từ thời điểm giải ngân đến ngày 25/5/2021, Công ty S đã thanh toán được cho NCB số tiền nợ gốc 288.000.054đ, lãi là 114.067.820đồng.

Từ ngày 25/5/2021 cho đến nay, Công ty S đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. NCB nhiều lần đôn đốc, tạo điều kiện cho công ty thanh toán nhưng công ty vẫn không thanh toán theo đúng thỏa thuận theo hợp đồng cho vay và khế ước nhận nợ đã ký.

Nay Ngân hàng Y yêu cầu Tòa án giải quyết buộc :

- Công ty S phải trả cho NCB tổng số nợ gốc và lãi tính đến ngày 10-8-2023 là: Nợ gốc: 191.999.946đồng. Nợ lãi trong hạn:24.656.531đồng. Nợ lãi quá hạn: 45.110.904đồng. Lãi phạt chậm trả: 3.814.756đồng. Tổng cộng: 265.582.136đồng.

Công ty S phải tiếp tục chịu tiền lãi quá hạn phát sinh tính từ ngày 11-10-2023 theo mức lãi suất quá hạn do các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho vay số 145/18/HĐCV – 9232 ngày 04-5-2018 và khế ước nhận nợ số 001/KUNN/145/18/HĐCV – 9232 ngày 04-5-2018, cho đến khi trả dứt nợ cho NCB.

Trong trường hợp Công ty không trả được nợ, đề nghị Tòa án phát mãi tài

sản thế chấp là xe ô tô nhãn hiệu THACO, loại xe ô tô tải, số khung 99AKHC062782, số máy D4DBHJ654154, biển số xe 72C-121.34. Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số: 032325 do Phòng cảnh sát giao thông công an tỉnh X cấp ngày 03/5/2018 cho Công ty S theo Hợp đồng thế chấp ô tô, phương tiện vận tải khác hình thành từ vốn vay số 145/18/HĐTC- 9232 ngày 04/5/ được đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 4/5/2018 tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Đà Nẵng.

Trong quá trình chuẩn bị xét xử, Tòa án đã nhiều lần triệu tập bị đơn Công ty S tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Tham gia phiên tòa xét xử nhưng Công ty S vẫn vắng mặt không có lý do, đồng thời Công ty S không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố V phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Thẩm phán đã thực hiện đúng nhiệm vụ quyền hạn theo quy định tại Điều 48 BLTTDS năm 2015. Phiên tòa xét xử diễn ra đúng thời gian, địa điểm được thông báo. Quá trình xét xử tuân thủ đúng trình tự quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự. Chủ tọa phiên tòa, Hội thẩm nhân dân, Thư ký thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ theo luật định.

Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật; Căn cứ tại các Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn vắng mặt nhiều lần không có lý do, chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ vào chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố V cho rằng phía bị đơn đã ký 01 hợp đồng vay số 145/18/HĐCV–9232 ngày 04-5-2018 và khế ước nhận nợ số 001/KUNN/145/18/HĐCV – 9232 ngày 04-5-2018 với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc Dân, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng Y đã khởi kiện yêu cầu bị đơn Công ty S phải hoàn trả toàn bộ số nợ còn thiếu theo thỏa thuận của các bên trong hợp đồng đã ký kết. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến của Kiểm sát viên, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1.1] Quan hệ tranh chấp:

Ngân hàng Y chi nhánh V và Công ty S có ký kết 01 Hợp đồng cho vay số 145/18/HĐCV–9232 ngày 04-5-2018, và khế ước nhận nợ số 001/KUNN/145/18/HĐCV – 9232 ngày 04-5-2018, nay có tranh chấp về hợp

đồng này nên xác định đây là vụ án kinh doanh thương mại, quan hệ pháp luật tranh chấp là "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo khoản 1 Điều 30 Bộ luật tố tụng Dân sự;

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Đây là vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng giữa hai chủ thể có đăng ký kinh doanh và cùng có mục đích lợi nhuận. Căn cứ vào thỏa thuận tại khoản 1, Điều 7 của hợp đồng thế chấp ô tô, phương tiện vận tải hình thành từ vốn vay các bên có thỏa thuận khi xảy ra tranh chấp Tòa án có thẩm quyền nơi trụ sở chi nhánh của nguyên đơn giải quyết nên căn cứ vào khoản 1 Điều 30 và điểm b khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39 điểm a khoản 1 Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh X.

[1.3] Thời hiệu khởi kiện: Các đương sự không yêu cầu xem xét về thời hiệu khởi kiện. Căn cứ vào khoản 2 Điều 184 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử không giải quyết về thời hiệu khởi kiện.

[1.4]. Sự có mặt, vắng mặt của đương sự:

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn đã được tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa để tham gia giải quyết vụ án, tham gia phiên tòa nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do. Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng trên theo quy định tại Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự. Vì vậy căn cứ vào quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét về yêu cầu trả nợ gốc và lãi:

Theo Hợp đồng cho vay số 145/18/HĐCV–9232 ngày 04-5-2018 và khế ước nhận nợ số 001/KUNN/145/18/HĐCV – 9232 ngày 04-5-2018 thì Ngân hàng Y (gọi tắt là NCB) cho Công ty S (gọi tắt là Công ty Thái Minh Thư) vay số tiền 4.800.000đ (bốn trăm tám mươi triệu), thời hạn vay duy trì hạn mức 60 tháng, mục đích vay để mua 01 xe ô tô tải nhãn hiệu THACO, lãi suất vay theo khế ước nhận nợ. Ngân hàng đã giải ngân cho Công ty S theo hợp đồng đã ký kết.

Quá trình thực hiện các hợp đồng, Công ty S đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Từ ngày 25/6/2021 Công ty S không thanh toán cho NCB nợ gốc, lãi nào theo quy định. Do đó NBC đã chuyển nợ của Công ty S sang nợ quá hạn nhưng Công ty S không trả nợ cho NCB, dừng hoạt động kinh doanh, đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi đến kỳ hạn thanh toán như đã thỏa thuận theo Điều 7, Điều 10 của hợp đồng cho vay được lập giữa hai bên.

Tại phiên tòa, NCB vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị HĐXX buộc bị đơn phải thanh toán tổng số tiền còn nợ theo hợp đồng tính đến ngày 10-8-2023 là nợ gốc: 191.999.946đồng, nợ lãi trong hạn 24.656.531đồng, nợ lãi quá hạn 45.110.904đồng và lãi phát sinh cho đến khi trả xong nợ theo hợp đồng tín dụng được ký kết giữa hai bên.

Xét việc thỏa thuận ký kết hợp đồng cho vay và khế ước nhận nợ giữa NCB và Công ty S: Nội dung hợp đồng phù hợp với khoản 2 Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng, Điều 13 Thông tư số 39/2016 ngày 30-12-2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng. Công ty S đã vi phạm thời hạn nghĩa vụ trả nợ, vì vậy NBC khởi kiện yêu cầu Công ty S trả số nợ gốc: 191.999.946đồng, nợ lãi trong hạn 24.656.531đồng, nợ lãi quá hạn 45.110.904đồng và lãi phát sinh cho đến khi trả xong nợ theo hợp đồng cho vay được ký kết giữa hai bên là phù hợp cần được chấp nhận.

[2.2] Đối với tiền lãi phạt chậm trả lãi 3.914.756đồng nguyên đơn xác định số tiền này được các bên thỏa thuận trong hợp đồng là 10%/năm.

Theo quy định quy khoản 4 Điều 13 Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng nhà nước quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khánh hàng thì "*Trường hợp khách hàng không trả đúng hạn tiền lãi theo quy định tại điểm a khoản này, thì phải trả lãi chậm trả theo mức lãi suất do tổ chức tín dụng và khách hàng thỏa thuận nhưng không vượt quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả*". Tại điểm b khoản 2 Điều 8 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm thì "*Trường hợp khách hàng không trả đúng hạn tiền lãi trên nợ gốc theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng, thì phải trả lãi chậm trả theo mức lãi suất do tổ chức tín dụng và khách hàng thỏa thuận nhưng không vượt quá mức lãi suất giới hạn mà pháp luật quy định tương ứng với thời gian chậm trả lãi trên nợ gốc trong hạn*", điều này cũng phù hợp với hướng dẫn tại điểm b khoản 2 Điều 5 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 về trường hợp vay không phải là hợp đồng tín dụng "*Trường hợp chậm trả lãi trên nợ gốc trong hạn thì còn phải trả lãi trên nợ lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tại thời điểm trả nợ tương ứng với thời gian chậm trả tiền lãi trên nợ gốc, trừ trường hợp có thỏa thuận khác*".

Như vậy,việc nguyên đơn và bị đơn thỏa thuận lãi phạt chậm trả 10%/năm là hoàn toàn phù hợp với khoản 4 Điều 13 Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng nhà nước quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khánh hàng và phù hợp khoản 2 Điều 91 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền lãi phạt chậm trả lãi 3.914.756đồng là có căn cứ.

[2.3] Xét yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ:

Để đảm bảo các khoản vay trên, Công ty S đã thế chấp cho NCB sản thế

chấp là xe ô tô bán tải nhãn hiệu THACO, loại xe ô tô tải có mui, số khung 99AKHC062782, số máy D4DBHJ654154, biển số xe 72C-121.34. Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số: 032325 do Phòng cảnh sát giao thông công an tỉnh X cấp ngày 03/5/2018 cho Công ty S theo Hợp đồng thế chấp ô tô, phương tiện vận tải khác hình thành từ vốn vay số 145/18/HĐTC- 9232 ngày 04/5/2018 được đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 4/5/2018 tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Đà Nẵng.

Hợp đồng này được ký kết tự nguyện giữa các chủ thể có năng lực pháp luật dân sự, hành vi dân sự, mục đích và nội dung của hợp đồng không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội và được đăng ký bảo đảm theo quy định tại các Điều 117, 118, 119, 298, 317, 401 BLDS 2015 nên có hiệu lực thi hành. Trường hợp Công ty không thực hiện nghĩa vụ hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì tài sản thế chấp được xử lý theo yêu cầu của Ngân hàng là đúng theo quy định tại khoản 7 Điều 323 BLDS 2015 và Điều 56 Nghị định số 163/2006/NĐ-CP về giao dịch bảo đảm. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng.

Trong trường hợp Công ty không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc thực hiện nghĩa vụ không đúng cho Ngân hàng, thì phát mãi tài sản thế chấp là xe ô tô tải nhãn hiệu THACO, loại xe ô tô tải có mui, số khung 99AKHC062782, số máy D4DBHJ654154, biển số xe 72C-121.34. Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số: 032325 do Phòng cảnh sát giao thông công an tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu cấp ngày 03/5/2018 để thanh toán khoản nợ cho Ngân hàng.

[3]. Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố V, tỉnh X là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4]. Về chi phí tố tụng và án phí:

+ Về chi phí định giá là: 4.500.000đồng, bị đơn phải chịu số tiền trên. Do nguyên đơn đã tạm ứng chi phí nên bị đơn có trách nhiệm thanh toán lại cho nguyên đơn số tiền nêu trên.

+ Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chiu theo quy định

[5]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 30, Khoản 1 Điều 30 và điểm b khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, điểm a khoản 1 Điều 40, Điều 147, 227, 228, 266, 271, 273, 278, 280 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 117, 118, 119, 298, 317, 401 Bộ luật dân sự năm 2015 và Điều 56 Nghị định số 163/2006/NĐ-CP về giao dịch bảo đảm;

- Điều 91, Khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng 2010;

- Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao ”Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm”;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Y về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” đối với Công ty S.

- Buộc Công ty S có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng Y tổng số tiền tính đến ngày 10-8-2023 là 265.582.136đồng (Hai trăm sáu mươi lăm triệu, năm trăm tám mươi hai ngàn, một trăm ba mươi sáu đồng), trong đó nợ gốc là 191.999.946đồng (Một trăm chín mươi mốt triệu, chín trăm chín mươi chín ngàn, chín trăm bốn mươi sáu đồng), nợ lãi trong hạn là 24.656.531đồng (Hai mươi bốn triệu, sáu trăm năm mươi sáu ngàn, năm trăm ba mươi mốt đồng), nợ lãi quá hạn: 45.110.904đồng(Bốn mươi lăm triệu, một trăm mười ngàn, chín trăm lẻ bốn đồng), lãi phạt chậm trả: 3.814.756đồng (Ba triệu, tám trăm mười bốn ngàn, bảy trăm năm mươi sáu đồng) và tiếp tục thanh toán phần nợ lãi phát sinh tương ứng đối với số nợ gốc chưa thanh toán theo lãi suất quy định trong Hợp đồng cho vay số 145/18/HĐCV–9232 ngày 04-5-2018 và khế ước nhận nợ số 001/KUNN/145/18/HĐCV – 9232 ngày 04-5-2018, kể từ ngày 11-8-2023 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ

- Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà bị đơn phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng Y theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Xử lý tài sản thế chấp để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ trả nợ:

- Trường hợp Công ty S không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Y, thì Ngân hàng được quyền yêu cầu xử lý phát mãi tài sản thế chấp là xe ô tô nhãn hiệu THACO, loại xe ô tô tải có mui, số khung 99AKHC062782, số máy D4DBHJ654154, biển số xe 72C-121.34. Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số: 032325 do Phòng cảnh sát giao thông công an tỉnh X cấp ngày 03/5/2018 để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Y.

- Trường hợp Công ty S thanh toán xong toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng Y mà không phải qua phát mãi tài sản thì Ngân hàng phải trả lại cho Công ty Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số: 032325 do Phòng cảnh sát giao thông công an tỉnh X cấp ngày 03/5/2018 đứng tên Công ty S.

3. Về chi phí định giá: 4.500.000đồng, bị đơn phải chịu số tiền trên. Do nguyên đơn đã tạm ứng chi phí nên bị đơn có trách nhiệm thanh toán lại cho nguyên đơn số tiền nêu trên.

4. Về án phí: Công ty S phải nộp 13.279.107đồng (Mười ba triệu, hai trăm bảy mươi chín ngàn, một trăm lẻ bảy đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

- Hoàn trả cho Ngân hàng S số tiền 5.900.000đ (năm triệu, chín trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003893 ngày 28-02-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V, tỉnh X.

5.Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa hoặc có người đại diện hợp pháp có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

6. Về quyền yêu cầu thi hành: Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND thành phố Vũng Tàu;
- Chi cục THA DS TP Vũng Tàu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Lê Thị Lương